

VĂN PHÒNG ỦY BAN QUỐC GIA
VỀ HỢP TÁC KINH TẾ QUỐC TẾ

VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ
BỘ TÀI CHÍNH

HỎI ĐÁP VỀ THUẾ ACFTA

HÀ NỘI, THÁNG 9/2006

MỤC LỤC

Phần I: Các vấn đề chung	8
Câu hỏi 1: ACFTA là gì?	8
Câu hỏi 2: Ưu đãi ACFTA là gì?	8
Câu hỏi 3: Mục tiêu của ACFTA là gì?	8
Câu hỏi 4: Ngoài cắt giảm và xoá bỏ thuế quan thì ACFTA còn làm những gì?	8
Câu hỏi 5: Các sản phẩm, mặt hàng nào sẽ phải cắt giảm hay xoá bỏ thuế nhập khẩu trong ACFTA	9
Câu hỏi 6: Những mặt hàng nào không phải giảm thuế nhập khẩu trong ACFTA	9
Câu hỏi 7: Để biết được các thông tin về lộ trình giảm, xoá bỏ thuế nhập khẩu trong ACFTA thì phải tìm trong các văn bản pháp lý nào?	9
Câu hỏi 8: Tại sao lại gọi là “Thu hoạch sớm”?	10
Câu hỏi 9: Phạm vi của Chương trình Thu hoạch sớm bao gồm những mặt hàng nào?	10
Câu hỏi 10: Danh mục Thông thường là gì? Mô hình cắt giảm thuế của các mặt hàng thuộc Danh mục này như thế nào?	11
Câu hỏi 11: Danh mục Nhạy cảm là gì? Mô hình giảm thuế của các mặt hàng thuộc Danh mục Nhạy cảm này như thế nào?	12
Câu hỏi 12: Các mặt hàng có thể được chuyển từ danh mục này sang danh mục khác không?	12
Câu hỏi 13: Cắt giảm thuế quan phải đúng theo lộ trình đã quy định hay có thể nhanh hơn hoặc chậm hơn?	12
Câu hỏi 14: Nguyên tắc có đi có lại để một mặt hàng nhập khẩu được hưởng mức thuế suất ACFTA là gì?	12
Câu hỏi 15: Hàng hoá nhập khẩu từ những nước nào thì được hưởng mức thuế suất ACFTA?	13
Câu hỏi 16: Có thể tìm thấy Danh mục Thu hoạch sớm của các nước ASEAN và Trung Quốc ở đâu?	14
Câu hỏi 17: Có thể tìm thấy Danh mục Nhạy cảm của các nước ASEAN và Trung Quốc ở đâu?	14
Câu hỏi 18: Các nước ASEAN và Trung Quốc ban hành Danh mục cắt giảm thuế ACFTA như thế nào?	14
Câu hỏi 19: Có thể tìm thấy Danh mục cắt giảm thuế hàng năm của các nước ASEAN và Trung Quốc ở đâu?	14
Câu hỏi 20: Tiêu chí nào được sử dụng để xác định xuất xứ hàng hoá ASEAN-Trung Quốc	15
Câu hỏi 21: Danh mục ACFTA của các nước bao gồm những thông tin gì?	15
Câu hỏi 22: Nghe nói trong ASEAN có cơ chế ACT để giải quyết vướng mắc về thương mại, vậy doanh nghiệp có thể sử dụng cơ chế ACT này cho ACFTA không?	15
Câu hỏi 23: Nếu có vướng mắc hoặc tranh chấp thương mại thì doanh nghiệp làm thế nào?	16
Câu hỏi 24: Có thể tìm thấy địa chỉ liên lạc các cơ quan đầu mối về ACFTA tại các nước ASEAN-Trung Quốc ở đâu?	16

Câu hỏi 25: Khi cần thông tin về ACFTA thì liên hệ với ai để hỏi?	19
Phần II: Những vấn đề liên quan đến hàng nhập khẩu	21
Câu hỏi 26: Danh mục cắt giảm thuế theo Chương trình Thu hoạch Sớm của Việt Nam bao gồm những mặt hàng nào?	21
Câu hỏi 27: Điều kiện để được hưởng ưu đãi EHP khi nhập khẩu vào Việt Nam và khi xuất khẩu đi các nước ASEAN và Trung Quốc?	21
Câu hỏi 28: Danh mục ACFTA của Việt Nam là gì?	21
Câu hỏi 29: Muốn biết mức thuế suất ACFTA của Việt Nam của các năm từ 2007 trở đi thì tra cứu ở đâu?	22
Câu hỏi 30: Danh mục nhạy cảm của Việt Nam gồm những nhóm mặt hàng nào?	22
Câu hỏi 31: Danh mục ACFTA 2006 của Việt Nam bao gồm những mặt hàng nào?	22
Câu hỏi 32: Các điều kiện để được hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt ACFTA của Việt Nam?	22
Câu hỏi 33: Mặt hàng công ty chúng tôi nhập khẩu không có trong danh mục ACFTA của Việt Nam thì áp dụng theo mức thuế suất nào?	23
Câu hỏi 34: Bộ Tài chính quy định khi mặt hàng thuộc danh mục nhạy cảm của nước xuất khẩu có mức thuế suất ACFTA của nước xuất khẩu nhỏ hơn hoặc bằng 10% thì sẽ có thông báo. Vậy tìm thông báo đó ở đâu?	24
Câu hỏi 35: Khi làm thủ tục nhập khẩu theo mức thuế suất ACFTA, mức thuế suất MFN được giảm xuống thấp hơn mức ACFTA thì nhà nhập khẩu vẫn phải nộp thuế theo mức ACFTA hay không?	24
Câu hỏi 36: Hàng hoá nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp sản phẩm cơ khí, điện, điện tử thì có thể vừa áp dụng thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hoá, lại vừa áp dụng thuế ACFTA được không?	24
Câu hỏi 37: Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu bộ linh kiện rời đồng bộ thì áp dụng mức thuế suất ACFTA như thế nào?	25
Câu hỏi 38: Các văn bản về thực hiện thuế suất ACFTA của Việt Nam có thể tìm được ở đâu?	25
Câu hỏi 39: Mặt hàng công ty chúng tôi nhập khẩu có trong danh mục cắt giảm thuế thông thường của nước xuất khẩu, tại sao lại không có trong danh mục ACFTA của Việt Nam?	25
Câu hỏi 40: Cách thức xác định mức thuế suất nhập khẩu ACFTA cho một sản phẩm nhập khẩu từ ASEAN-Trung Quốc, có C/O mẫu E và được vận chuyển thẳng như thế nào?	26
Câu hỏi 41: Hàng hoá không được vận chuyển thẳng đến Việt Nam thì có được áp dụng mức thuế suất ACFTA không?	27
Câu hỏi 42: Doanh nghiệp tôi nhập khẩu hàng từ Trung Quốc. 100% nguyên vật liệu dùng để sản xuất mặt hàng đó là từ Trung Quốc. Vậy chúng tôi có phải xuất trình C/O mẫu E không?	27
Câu hỏi 43: Hàng hoá nhập khẩu từ khu phi thuế quan nằm trên lãnh thổ Việt Nam chỉ có C/O mẫu E của một trong những nước ASEAN-Trung Quốc (trừ Việt Nam) cấp thì có được áp dụng thuế ACFTA không?	27

Câu hỏi 44: Trong hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 52/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006, cơ quan có thẩm quyền cấp C/O mẫu E của Trung Quốc là Tổng cục Giám sát chất lượng, Kiểm tra và Kiểm dịch. Tuy nhiên, trên thực tế C/O mẫu E của Trung Quốc là do 35 Cục Giám sát Kiểm dịch Cửa khẩu cấp, như vậy các C/O này có được coi là hợp lệ hay không?	27
Câu hỏi 45: Thời hạn xuất trình C/O mẫu E là trong bao lâu? Tôi thấy quy định lúc thì 4 tháng, lúc thì 6 tháng, lúc là 1 năm, lúc là 30 ngày. Vậy phải thực hiện thế nào cho đúng?	28
Câu hỏi 46: Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu thường xuyên cùng một loại hàng hoá, vậy chúng tôi chỉ cần C/O mẫu E cho lần đầu tiên có được không?	28
Câu hỏi 47: Công ty tôi nhập khẩu hàng hoá từ Thái Lan từ 6 tháng nay nhưng không biết có thuế suất ACFTA. Bây giờ chúng tôi xin lại C/O mẫu E của Thái Lan thì có được hoàn thuế không?	29
Câu hỏi 48: Tôi là một doanh nghiệp nhập khẩu, khi phát hiện C/O mẫu E có sai sót thì phải làm thế nào?	29
Câu hỏi 49: Khi có vướng mắc với cơ quan hải quan và chờ kết quả kiểm tra, hàng nhập khẩu có thể vẫn được thông quan không?	29
Câu hỏi 50: Doanh nghiệp chúng tôi đã xuất trình C/O mẫu E nhưng cơ quan hải quan từ chối cho áp dụng thuế ACFTA. Vậy chúng tôi phải làm gì?	30
Câu hỏi 51: Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu lô hàng tám trái sắn có mã hàng hoá là 4016.99.94 nhưng cơ quan hải quan áp mã là 4016.91.10, khi đó doanh nghiệp chúng tôi không được hưởng mức thuế suất ACFTA 20% mà phải nộp mức thuế suất ACFTA 30% Vậy là đúng hay sai?	30
Câu hỏi 52: Hàng nhập khẩu của tôi từ Lào về chỉ có C/O Mẫu S, vậy được hưởng ưu đãi ACFTA hay không?	30
Câu hỏi 53: Hàng nhập khẩu của tôi có xuất xứ hàng hoá từ Hồng Kông, vậy có được hưởng ưu đãi ACFTA hay không?	30
Phần III: Những vấn đề liên quan đến hàng xuất khẩu	32
Câu hỏi 54: Cơ quan nào cấp C/O mẫu E của Việt Nam?	32
Câu hỏi 55: Muốn xin C/O mẫu E thì cần chuẩn bị những tài liệu gì?	32
Câu hỏi 56: Chúng tôi xuất khẩu hàng hoá sang Trung Quốc vừa có thể đáp ứng tiêu chí về hàm lượng, vừa có thể đáp ứng tiêu chí cụ thể về mặt hàng thì áp dụng tiêu chí nào?	32
Câu hỏi 57: Chúng tôi xuất khẩu hàng hoá đi Trung Quốc đã 3 tháng nay, bây giờ mới biết có thuế ACFTA. Vậy chúng tôi có thể xin lại C/O mẫu E để áp dụng thuế ACFTA ở nước nhập khẩu được không?	33
Câu hỏi 58: Công ty chúng tôi xuất khẩu hàng hoá sang một trong các nước thuộc ASEAN-Trung Quốc, muốn biết có được áp dụng thuế ACFTA không thì làm thế nào?	33
Câu hỏi 59: Công ty tôi thường xuyên xuất khẩu cùng một loại hàng hoá, các lô hàng xuất khẩu trước chúng tôi đã xin Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá do cơ quan giám định hàng hoá cấp và có C/O mẫu E, vậy	

các lô hàng xuất khẩu tiếp theo chúng tôi có phải xin Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá không?	34
Câu hỏi 60: Tôi là một doanh nghiệp xuất khẩu, sau khi được cấp C/O mẫu E phát hiện có sai sót thì làm thế nào?	34
Câu hỏi 61: Công ty tôi đã có Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá thì có phải xin Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu E nữa không?	35
Câu hỏi 62: Khi xuất khẩu hàng hoá theo diện áp dụng thuế ACFTA của nước nhập khẩu thì có bắt buộc phải có Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá hay không?	35
Câu hỏi 63: Doanh nghiệp chúng tôi xuất khẩu thường xuyên cùng một loại hàng hoá, vậy chúng tôi chỉ cần xin C/O mẫu E cho lần đầu tiên có được không?	35

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ACFTA	<i>ASEAN-China Free Trade Area</i> - Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN-Trung Quốc
ACT	<i>ASEAN Consultation to Solve Trade and Investment Issues</i> : Cơ chế tham vấn để giải quyết các vướng mắc về thương mại và đầu tư của ASEAN
ASEAN	<i>Association of South-East Asian Nations</i> - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEAN6	<i>Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan</i> : 6 nước thành viên cũ của ASEAN
ASEAN4 (CLMV)	Các nước thành viên mới của ASEAN, gồm 4 nước: Campuchia, Lào, Myanmar, và Việt Nam.
CEPT/AFTA	<i>Common Effective Preferential Tariff Scheme of ASEAN Free Trade Area</i> : Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung để thực hiện Khu vực mậu dịch tự do ASEAN
C/O	<i>Certificate of Origin</i> - Giấy Chứng nhận xuất xứ
EHP	<i>Early Harvest Program</i> : Chương trình Thu Hoạch Sớm
FOB	<i>Free-on-Board</i> - Giá FOB
FTA	<i>Free Trade Area</i> : Khu vực Mậu dịch tự do
HS	<i>Harmonized System</i> - Hệ thống hài hoà về phân loại và mô tả hàng hoá
HSL	<i>Highly Sensitive List</i> - Danh mục Nhạy cảm cao
MFN	<i>Most Favored Nation</i> - Chế độ Tối huệ quốc
NT	<i>Normal Track</i> : Danh mục Thông thường
NTBs	<i>Non-Tariff Barriers</i> - Các hàng rào phi quan thuế
QRs	<i>Quantitative Restrictions</i> - Các hạn chế số lượng
SL	<i>Sensitive List</i> - Danh mục Nhạy cảm thường
ST	<i>Sensitive Track</i> – Danh mục Nhạy cảm (gồm HSL +
TIG	<i>Trade in Goods</i> - (Hiệp định) Thương mại hàng hoá
Thuế suất MFN	<i>MFN rates</i> - Mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi
TRQs	<i>Tariff Rate Quotas</i> - Hạn ngạch thuế quan
WTO	<i>World Trade Organization</i> - Tổ chức Thương mại Thế giới

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 4 tháng 11 năm 2002, Hiệp định Khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (dưới đây gọi tắt là Hiệp định khung) đã được lãnh đạo các nước ASEAN và Trung Quốc ký kết tại Phnom Penh, Campuchia tạo nền tảng pháp lý quan trọng để tăng cường hợp tác kinh tế nhiều mặt giữa ASEAN và Trung Quốc, trong đó quan trọng nhất là việc thiết lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) trong vòng 10 năm.

Nhằm phổ biến thông tin đến các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp trong cả nước, đồng thời để giải đáp những thắc mắc liên quan đến các vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện thuế suất của Khu vực mậu dịch ASEAN-Trung Quốc, Bộ Tài chính phối hợp với Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế xin giới thiệu cuốn sách “Hỏi đáp về thuế suất ACFTA”.

Cuốn sách được chia ra làm 3 phần:

Phần I: Các vấn đề chung

Phần II: Những vấn đề liên quan đến hàng nhập khẩu

Phần III: Những vấn đề liên quan đến hàng xuất khẩu

Do phải chuẩn bị trong thời gian gấp, cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong bạn đọc thông cảm và đóng góp ý kiến để hoàn thiện cho tái bản tiếp theo.

Xin trân trọng giới thiệu tài liệu này cùng bạn đọc.

**VĂN PHÒNG ỦY BAN QUỐC GIA VỀ
HỢP TÁC KINH TẾ QUỐC TẾ**

**VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ
BỘ TÀI CHÍNH**

Phần I: Các vấn đề chung

Câu hỏi 1: ACFTA là gì?

Trả lời: ACFTA là tên viết tắt của cụm từ tiếng Anh “ASEAN-China Free Trade Area”, dịch sang tiếng Việt có nghĩa là “Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc”.

Câu hỏi 2: Ưu đãi ACFTA là gì?

Trả lời: Là các nước khi tham gia vào Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN-Trung Quốc sẽ dành cho nhau các ưu đãi đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại hàng hoá (cắt giảm và xoá bỏ thuế quan, NTBs, TRQs...), thương mại dịch vụ, hợp tác đầu tư...

Câu hỏi 3: Mục tiêu của ACFTA là gì?

Trả lời: Là thiết lập một Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) trong vòng 10 năm. Riêng các nước thành viên mới của ASEAN gồm Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam có những đối xử đặc biệt, khác biệt và linh hoạt. Cụ thể: cắt giảm và xoá bỏ thuế quan trong khu vực ASEAN-Trung Quốc sẽ cơ bản được hoàn thành vào năm 2010 đối với ASEAN-6 và Trung Quốc và vào năm 2015, với một số linh hoạt đến 2018, đối với các nước thành viên mới của ASEAN.

Câu hỏi 4: Ngoài cắt giảm và xoá bỏ thuế quan thì ACFTA còn làm những gì?

Trả lời: Ngoài việc tích cực tiến tới loại bỏ thuế và hàng rào phi thuế đối với hầu hết thương mại hàng hoá thì ACFTA còn:

- (a) Tiến tới tự do hoá thương mại dịch vụ đối với hầu hết các lĩnh vực
- (b) Thiết lập một cơ chế đầu tư cạnh tranh và cởi mở để tạo thuận lợi và thúc đẩy đầu tư trong khuôn khổ FTA.
- (c) Áp dụng các đối xử đặc biệt, khác biệt và linh hoạt cho các nước thành viên mới của ASEAN

- (d) Áp dụng linh hoạt cho các Bên trong đàm phán FTA đối với các khu vực nhạy cảm của lĩnh vực hàng hoá, dịch vụ và đầu tư. Sự linh hoạt này sẽ được đàm phán và cùng thống nhất thoả thuận dựa trên nguyên tắc có đi có lại và cùng có lợi.
- (e) Thiết lập các biện pháp tạo thuận lợi đầu tư và thương mại có hiệu quả, gồm không hạn chế việc đơn giản hoá thủ tục hải quan và các thoả thuận công nhận lẫn nhau
- (f) Mở rộng hợp tác kinh tế ra các lĩnh vực khác nhằm hỗ trợ tăng cường đầu tư và thương mại giữa ASEAN và Trung Quốc, hình thành nên các chương trình hành động để thực hiện các lĩnh vực hợp tác.

Câu hỏi 5: Các sản phẩm, mặt hàng nào sẽ phải cắt giảm hay xoá bỏ thuế nhập khẩu trong ACFTA

Trả lời: Hầu hết các mặt hàng trong biểu thuế thuế nhập khẩu của các nước sẽ tham gia thực hiện cắt giảm và xoá bỏ thuế nhập khẩu trong ACFTA (90% các mặt hàng sẽ phải xoá bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu, số còn lại phải sẽ cắt giảm xuống một mức nhất định)

Câu hỏi 6: Những mặt hàng nào không phải giảm thuế nhập khẩu trong ACFTA

Trả lời: Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN-Trung Quốc cho phép không phải giảm thuế đối với các mặt hàng ảnh hưởng tới an ninh quốc gia, sức khỏe con người và động vật, đạo đức xã hội...theo đúng quy định của WTO. Theo đó, có một số nước (như Brunei, Singapore, Thái Lan) không có các mặt hàng loại trừ cắt giảm thuế nhưng trong trường hợp cần thiết họ được quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của WTO để bảo vệ an ninh quốc gia, sức khỏe con người và động thực vật, bảo tồn các giá trị lịch sử và nghệ thuật....

Câu hỏi 7: Để biết được các thông tin về lộ trình giảm, xoá bỏ thuế nhập khẩu trong ACFTA thì phải tìm trong các văn bản pháp lý nào?

Trả lời: Các văn bản pháp lý cơ bản gồm :

1. Hiệp định Khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Trung Quốc (sau đây gọi tắt là Hiệp định Khung), trong đó quy định mô hình loại bỏ thuế

quan của Danh mục Thu hoạch sớm.

2. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định Khung, trong đó có Danh mục Thu hoạch sớm của các nước

3. Hiệp định Thương mại Hàng hóa quy định lộ trình giảm thuế và tự do hóa thuế quan đối với Danh mục thông thường và Danh mục nhạy cảm.

4. Văn bản pháp lý trong nước của các nước ASEAN-Trung Quốc về ban hành Danh mục và thuế suất ưu đãi đặc biệt ACFTA.

Câu hỏi 8: Tại sao lại gọi là “Thu hoạch sớm”?

Trả lời: Chương trình Thu hoạch sớm tiếng Anh gọi là Early Harvest Program (viết tắt là EHP). Thời gian thực hiện và hoàn thành xoá bỏ thuế quan của các mặt hàng trong EHP xuống 0% sớm hơn và nhanh hơn so với lộ trình 10 năm xây dựng Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc. Đây là những mặt hàng mà cả ASEAN và Trung Quốc đều có lợi thế, có khả năng xuất khẩu và bổ sung hàng hoá tiêu dùng ở mỗi nước. Nếu cắt giảm thuế nhanh sẽ đem lại lợi ích cho cả người nông dân và người tiêu dùng, vì vậy có thể hiểu là “Thu hoạch sớm”.

Câu hỏi 9: Phạm vi của Chương trình Thu hoạch sớm bao gồm những mặt hàng nào?

Trả lời: Trước hết, phạm vi các mặt hàng tham gia EHP là những mặt hàng nông sản, và thủy sản. Về mặt kỹ thuật, EHP được lựa chọn từ những mặt hàng được ghi tại chương 1 đến chương 8 của biểu thuế nhập khẩu ưu đãi MFN của các nước. Cụ thể gồm các nhóm mặt hàng sau:

- Động vật sống, như trâu bò, ngựa, cừu dê, gà
- Thịt và các phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ
- Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không spong sống khác
- Sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm, mật ong tự nhiên, sản phẩm ăn được gốc động vật
- Các sản phẩm khác gốc động vật
- Cây sống và các loại cây trồng khác, củ, rễ và các loại tương tự, cảnh hoa và loại cảnh lá trang trí.
- Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được.
- Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa.

Câu hỏi 10: Danh mục Thông thường là gì? Mô hình cắt giảm thuế của các mặt hàng thuộc Danh mục này như thế nào?

Trả lời: Danh mục Thông thường (Danh mục cắt giảm thuế thông thường - viết tắt là NT) bao gồm các mặt hàng phải thực hiện cắt giảm thuế còn lại sau khi trừ đi các mặt hàng thuộc Danh mục EHP và Danh mục ST. Danh mục NT sẽ thực hiện cắt giảm thuế xuống 0% vào năm 2010 đối với ASEAN6 và Trung Quốc; và CLMV vào năm 2015, với một số linh hoạt đến năm 2018. Lộ trình giảm thuế của Danh mục NT từ năm 2005-2015 được quy định tại Phụ lục I của Hiệp định thương mại hàng hóa, cụ thể như sau:

Đối với ASEAN6 và Trung Quốc:

	Ở thời điểm không muộn hơn 1/1 của năm			
	2005*	2007	2009	2010
Nhóm 1 có thuế suất $\geq 20\%$	20	12	5	0
Nhóm 2 có $15\% \leq$ thuế suất $< 20\%$	15	8	5	0
Nhóm 3 có $10\% \leq$ thuế suất $< 15\%$	10	8	5	0
Nhóm 4 có $5\% <$ thuế suất $< 10\%$	5	5	0	0
Nhóm 5 có thuế suất $\leq 5\%$	Giữ nguyên		0	0

Đối với Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam

Nhóm mặt hàng	Mức thuế suất ACFTA ở thời điểm không muộn hơn 1/1 của năm							
	2005	2006	2007	2008	2009	2011	2013	2015
Nhóm 1 có thuế suất $\geq 60\%$	60	50	40	30	25	15	10	0
Nhóm 2 có $45\% \leq$ thuế suất $< 60\%$	40	35	35	30	25	15	10	0
Nhóm 3 có $35\% \leq$ thuế suất $< 45\%$	35	30	30	25	20	15	5	0
Nhóm 4 có $30\% \leq$ thuế suất $< 35\%$	30	25	25	20	17	10	5	0
Nhóm 5 có $25\% \leq$ thuế suất $< 30\%$	25	20	20	15	15	10	5	0
Nhóm 6 có $20\% \leq$ thuế suất $< 25\%$	20	20	15	15	15	10	0-5	0
Nhóm 7 có $15\% \leq$ thuế suất $< 20\%$	15	15	10	10	10	5	0-5	0
Nhóm 8 có $10\% \leq$ thuế suất $< 15\%$	10	10	10	10	8	5	0-5	0
Nhóm 9 có $7\% \leq$ thuế suất $< 10\%$	7	7	7	7	5	5	0-5	0
Nhóm 10 có $5\% \leq$ thuế suất $< 7\%$	5	5	5	5	5	5	0-5	0
Nhóm 11 có thuế suất $< 5\%$	Giữ nguyên							0

Riêng 2005: Bắt đầu từ 1/7/2005

Câu hỏi 11: Danh mục nhạy cảm là gì? Mô hình giảm thuế của các mặt hàng thuộc Danh mục nhạy cảm này như thế nào?

Trả lời: Danh mục nhạy cảm bao gồm những mặt hàng cần có thời gian bảo hộ lâu hơn, mức thuế suất bảo hộ cao hơn (so với Danh mục thông thường) đối với nền kinh tế từng nước. Các mặt hàng thuộc Danh mục ST tiếp tục được phân thành 2 nhóm: nhóm các mặt hàng nhạy cảm thông thường (SL) và nhóm mặt hàng nhạy cảm cao (HSL). Những mặt hàng thuộc Danh mục ST không có lịch trình giảm thuế cụ thể theo từng năm nhưng bị giới hạn mức thuế suất cuối cùng và năm cuối cùng thực hiện, cụ thể:

+ Đối với ASEAN6: Các mặt hàng trong Danh mục SL phải giảm xuống 20% vào năm 2012 và tiếp tục giảm xuống mức 0-5% vào năm 2018 với ASEAN6. Các mặt hàng thuộc Danh mục HSL phải giảm xuống bằng 50% hoặc thấp hơn vào năm 2015.

+ Đối với ASEAN4: Các mặt hàng trong Danh mục SL phải giảm xuống 20% vào năm 2015 và tiếp tục giảm xuống mức 0-5% vào năm 2020 với ASEAN6. Các mặt hàng thuộc Danh mục HSL phải giảm xuống bằng 50% hoặc thấp hơn vào năm 2018.

Câu hỏi 12: Các mặt hàng có thể được chuyển từ danh mục này sang danh mục khác không?

Trả lời: Có, với điều kiện mức độ cắt giảm thuế phải cao hơn (cắt giảm thuế suất xuống mức thấp hơn) hoặc với tốc độ nhanh hơn. Ví dụ chuyển từ Danh mục Nhạy cảm sang Danh mục Thông thường mà không được chuyển ngược lại.

Câu hỏi 13: Cắt giảm thuế quan phải đúng theo lộ trình đã quy định hay có thể nhanh hơn hoặc chậm hơn?

Trả lời: Các nước phải thực hiện cắt giảm thuế quan theo đúng lộ trình đã quy định hoặc đầy nhanh hơn các cam kết cắt giảm thuế quan chứ không được thực hiện chậm hơn.

Câu hỏi 14: Nguyên tắc có đi có lại để một mặt hàng nhập khẩu được hưởng mức thuế suất ACFTA là gì?

Trả lời: Theo quy định của Hiệp định thương mại hàng hóa, ngoài những

quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa, quy tắc hưởng ưu đãi cắt giảm thuế giữa các nước được thực hiện trên cơ sở có đi có lại, cụ thể như sau:

- Nếu nước xuất khẩu đưa một mặt hàng vào cắt giảm thuế theo Danh EHP hoặc Danh mục NT thì sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi trong khuôn khổ ASEAN-Trung Quốc (sau đây gọi tắt là thuế suất ACFTA) của nước nhập khẩu đối với mặt hàng đó.
- Nếu nước xuất khẩu đưa một mặt hàng vào Danh mục ST thì chỉ được hưởng ưu đãi thuế ACFTA của nước nhập khẩu khi thuế suất của mặt hàng đó tại nước xuất khẩu xuống mức thấp hơn hoặc bằng 10%. Mức thuế suất ưu đãi được hưởng sẽ bằng mức thuế suất ACFTA của nước xuất khẩu **hoặc** bằng mức thuế suất ACFTA của nước nhập khẩu, tùy theo mức nào cao hơn thì áp dụng (nhưng trong mọi trường hợp không được cao hơn mức thuế MFN đang áp dụng của nước nhập khẩu).

Câu hỏi 15: Hàng hoá nhập khẩu từ những nước nào thì được hưởng mức thuế suất ACFTA?

Trả lời: Đó là hàng hoá nhập khẩu từ những nước tham gia Hiệp định Thương mại Hàng hoá ASEAN-Trung Quốc, gồm 11 nước:

- 1- Bru-nây Đa-ru-sa-lam;
- 2- Vương quốc Cam-pu-chia;
- 3- Cộng hoà In-đô-nê-xi-a;
- 4- Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào;
- 5- Ma-lay-xi-a;
- 6- Liên bang My-an-ma;
- 7- Cộng hoà Phi-líp-pin;
- 8- Cộng hoà Sing-ga-po;
- 9- Vương quốc Thái lan;
- 10- Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc); và
- 11- Việt Nam.

Câu hỏi 16: Có thể tìm thấy Danh mục Thu hoạch sớm của các nước ASEAN và Trung Quốc ở đâu?

Trả lời: Danh mục Thu hoạch sớm của các nước ASEAN – Trung Quốc được quy định tại Phụ lục của Nghị định thư sửa đổi Hiệp định Khung ASEAN-Trung Quốc. Có thể tìm thấy các Danh mục này tại Quyển “ACFTA – Các văn bản pháp lý”, do Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế phát hành.

Câu hỏi 17: Có thể tìm thấy Danh mục Nhạy cảm của các nước ASEAN và Trung Quốc ở đâu?

Trả lời: Các mặt hàng thuộc Danh mục ST của các nước ASEAN-Trung Quốc được quy định cụ thể tại Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN-Trung Quốc. Có thể tìm thấy các Danh mục này tại Quyển “ACFTA – Các văn bản pháp lý” do Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế phát hành.

Câu hỏi 18: Các nước ASEAN và Trung Quốc ban hành Danh mục cắt giảm thuế ACFTA như thế nào?

Trả lời: Tất cả các nước đều phải ban hành các văn bản pháp lý trong nước về cắt giảm thuế để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hoá ASEAN-Trung Quốc. Tính đến thời điểm tháng 8/2006, chỉ còn có 3 nước là Brunei Darussalam, Campuchia và Lào còn chưa ban hành các văn bản pháp lý trong nước vì chưa xong các thủ tục trong nước. Tuy nhiên, theo thông báo của các nước này thì các văn bản sẽ được ban hành đều có hiệu lực hồi tố. Các nước còn lại đều đã ban hành các văn bản pháp lý trong nước về cắt giảm thuế, có nước chỉ ban hành mức thuế suất ACFTA cho từng năm một (ví dụ: Trung Quốc), nhưng cũng có nước ban hành mức thuế suất ACFTA theo lộ trình (ví dụ như Thái Lan). Về mặt hình thức văn bản thì đa số bao gồm 1 quyết định về ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất ACFTA và 1 văn bản hướng dẫn thực hiện (Trường hợp của Việt Nam: Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 35/2006/QĐ-BTC ngày 12/6/2006 về ban hành Danh mục Hàng hoá và thuế suất thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam cho năm 2006 và Thông tư số 52/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006 về hướng dẫn thực hiện).

Câu hỏi 19: Có thể tìm thấy Danh mục cắt giảm thuế hàng năm của các

nước ASEAN và Trung Quốc ở đâu?

Trả lời: Có thể liên hệ với Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Tài chính để được cung cấp thông tin về các Danh mục này. Trong thời gian tới, Bộ Tài chính sẽ cập nhật các thông tin này lên trang Web của Bộ Tài chính (www.mof.gov.vn) để tạo điều kiện tham khảo thuận lợi cho các đối tượng có quan tâm. Ngoài ra, các thông tin này cũng đã được đăng trên trang Web Bộ Tài chính hoặc Tổng cục Hải quan của các nước ASEAN và Trung Quốc.

Câu hỏi 20: Tiêu chí nào được sử dụng để xác định xuất xứ hàng hoá ASEAN-Trung Quốc

Trả lời: Có 3 tiêu chí để xác định xuất xứ hàng hoá ASEAN-Trung Quốc.

Thứ nhất: Tiêu chí “sản phẩm thuần túy” là các sản phẩm hoàn toàn có được như trồng, chăn nuôi, đánh bắt, khai khoáng.. theo quy định Quy tắc các sản phẩm thuần túy.

Thứ hai: Tiêu chí hàm lượng. Tổng giá trị các nguyên vật liệu (một phần hoặc cả phần) có xuất xứ ngoài ACFTA và không xác định được xuất xứ không được vượt quá 60%. Trường hợp nhập khẩu nguyên vật liệu từ một hoặc nhiều nước thuộc ACFTA thì được cộng gộp toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu đó nếu hàm lượng ACFTA của nguyên vật liệu đó bằng hoặc lớn hơn 40%. Nếu nhỏ hơn 40% thì không được cộng gộp phần nào.

Thứ ba: Tiêu chí sản phẩm cụ thể. Là quy tắc các bên đàm phán và thống nhất cho từng mặt hàng cụ thể và được coi là đã qua quá trình chuyển đổi cơ bản nên có xuất xứ ACFTA. Tiêu chí này được sử dụng bổ sung cho hai tiêu chí trên.

Câu hỏi 21: Danh mục ACFTA của các nước bao gồm những thông tin gì?

Trả lời: Danh mục này chủ yếu bao gồm các thông tin sau:

Cột 1: Mã hàng hoá

Cột 2: Mô tả hàng hoá

Cột 3: Mức thuế suất ưu đãi đặc biệt ACFTA cho các năm cụ thể.

Câu hỏi 22: Nghe nói trong ASEAN có cơ chế ACT để giải quyết vướng mắc về thương mại, vậy doanh nghiệp có thể sử dụng cơ chế ACT này

cho ACFTA không?

Trả lời: Không. Cơ chế tham vấn để giải quyết các vướng mắc, tranh chấp về thương mại và đầu tư ASEAN (viết tắt là ACT) chỉ áp dụng giữa các nước thành viên ASEAN đối với các vấn đề thương mại và đầu tư thuộc về nội bộ ASEAN.

Câu hỏi 23: Nếu có vướng mắc hoặc tranh chấp thương mại thì doanh nghiệp làm thế nào?

Trả lời: Khi phát sinh vướng mắc, tranh chấp liên quan đến thực hiện ACFTA, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, người khai hải quan hoặc đại diện được uỷ quyền có thể kiến nghị lên các cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam. Nếu vấn đề liên quan đến vướng mắc với cơ quan có thẩm quyền hoặc tranh chấp với doanh nghiệp ở nước xuất/nhập khẩu thành viên, cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam sẽ trao đổi với cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên liên quan nhằm tìm kiếm giải pháp hai bên cùng chấp nhận. Trường hợp vẫn chưa giải quyết được thông qua tham vấn, một bên có thể khiếu kiện thông qua cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ ACFTA.

Câu hỏi 24: Có thể tìm thấy địa chỉ liên lạc các cơ quan đầu mối về ACFTA tại các nước ASEAN-Trung Quốc ở đâu?

Trả lời: Dưới đây là Danh sách các cơ quan/địa chỉ đầu mối về ACFTA của các nước ASEAN và Trung Quốc:

Brunei Darussalam:

Mr. Erywan Yusof
Director
Department of International Trade
Ministry of Foreign Affairs and Trade
International Convention Centre,
2nd Floor, Jalan Pulaie Berakas
BB3910
Brunei Darussalam
Tel : +673-2383374
Fax : +673-2384099
Email : erywan.yusof@mfa.gov.bn
erywanyusof@yahoo.com

Mr. Wahab Yusof
Ass. Trade Officer
Department of International Trade
Ministry of Foreign Affairs and Trade
International Convention Centre,
2nd Floor Jalan Pulaie Berakas
BB3910
Brunei Darussalam
Tel : +673-2383374 Ext. 1883
Fax : +673-2384099
Email : wahab.yusof@mfa.gov.bn

Cambodia:

Mr. Uy Sambath

Director
Department of Economic Integration and ASEAN
Ministry of Economy and Finance
Cambodia
Tel : +855-23-724371
Fax : +855-23-724374
Email : uy_sambath54@yahoo.com

Indonesia:

Mr. Deddy Saleh

Director of Regional Cooperation,
Ministry of Trade
Jalan M.I. Ridwan Rais No. 5
Jakarta 10110
Indonesia
Tel : +62-21-385-8203
Fax : +62-21-385-8203
Email : deddy@saleh.to

Mrs. Retno Kusumo Astuti

Deputy Director of Regional
Cooperation
Ministry of Trade
Jalan M.I. Ridwan Rais No. 5
Jakarta 10110
Indonesia
Tel : +62-21-385-8203
Fax : +62-21-385-8203
Email : retno_kusumo@yahoo.com

Lao PDR:

Mr. Saysana Sayakone

Director of ASEAN Economic
Cooperation Division
Foreign Trade Department
Ministry of Commerce
Tel : +856-21-452453
Fax : +856-21-415927 / 412434
Email : saysana2005@yahoo.com

Mr. Songkarn Anoulath

Senior Officer
ASEAN Economic Cooperation
Division
Foreign Trade Department
Ministry of Commerce
Tel : +856-21-452453
Fax : +856-21-415927 / 412434
Email : songkarn@yahoo.com

Malaysia:

Mr. Muthafa Yusof

Principal Assistant Director
ASEAN Economic Cooperation
Division
Ministry of International Trade and
Industry
Level 3, Block 10,
Government Offices Complex

Ms. Farah Ezelin Ishak

Assistant Director
ASEAN Economic Cooperation Division
Ministry of International Trade and
Industry
Level 3, Block 10,
Government Office Complex
50622, Kuala Lumpur

50622, Kuala Lumpur
Malaysia
Tel : +603-62034782
Fax : +603-62019799
Email : muthafa@miti.gov.my

Malaysia
Tel : +603-6203 4917
Fax : +603-6201 9799
Email : ezelin@miti.gov.my

Myanmar:

Ms. Cho Cho Wynn

Assistant Director
National AFTA Unit
Ministry of National Planning and Economic Development
Building No. 1, Special Development Zone
Pyinmana, Myanmar
Tel : +95 (0) 67 407259
Fax : +95 (0) 67 407004
Email : afta.myan@mptmail.net.mm ; chochowynn@mptmail.net.mm

Philippines:

Ms. Ma. Elena L. Marbil

Senior Trade-Industry Dvlopmt
Specialist
Department of Trade and Industry
3/F Trade and Industry Building
361 G. Puyat Ave., Makati City 1200
Philippines
Tel : +63-2-890 5149
Fax : +63-2-751 3262
Email : bitr_malen@dti.dti.gov.ph

Mr. Amador C. Pablo, Jr.

Senior Trade-Industry Dvlopmt
Specialist
Department of Trade and Industry
3/F Trade and Industry Building
361 G. Puyat Ave., Makati City 1200
Philippines
Tel : +63-2-897 8292
Fax : +63-2-751 3258
Email : bobotpablo@yahoo.com

Singapore:

Ms. Cindy Khoo

Assistant Director
Trade Division (Directorate B)
Ministry of Trade & Industry
100 High Street
#09-01 The Treasury
Singapore 179434
Tel : +65-6332 3466
Fax : +65-6334 5848
Email : cindy_khoo@mti.gov.sg

Thailand:

Ms. Chanunya Bandhukul
Senior Trade Officer
Ministry of Commerce
44/100 Thanon Nonthaburi 1
Bangkrasor, Amphoe Muang
Nonthaburi 11000
Thailand
Tel : +66-2-507-7256
Fax : +66-2-547-5614
Email : chanunyab@moc.go.th

Ms. Pornsiri Wiriyaikraikul
Trade Officer
Department of Trade Negotiations
Ministry of Commerce
44/100 Thanon Nonthaburi 1
Bangkrasor, Amphoe Muang
Nonthaburi 11000
Thailand
Tel : +66-2-507-7255
Fax : +66-2-547-5614
Email : pornsiriw@moc.go.th

Viet Nam:

Mr. Le Quang Lan
Deputy Director
ASEAN Division
Multilateral Trade Policy Department
Ministry of Trade
21 Ngo Quyen Street, Hanoi
Viet Nam
Tel : +84-4-8262538 Ext. 1138
Fax : +84-4-8264696
Email : lanlq@mot.gov.vn

Mr. Ha Duy Tung
Director
ASEAN Division
Department of Intl's Cooperation
Ministry of Finance
28 Tran Hung Dao Street, Hanoi
Viet Nam
Tel : +84-4-220.2828/Ext. 7015
Fax : +84-4-220.8109
Email : haduytung@mof.gov.vn

People's Republic of China:

Mr. Zhang Shaogang
Deputy Director-General
Department of International Trade and
Economic Affairs
Ministry of Commerce
No. 2, Dong Chang An Street
Beijing 100731
People's Republic of China
Tel : +8610-65197706
Fax : +8610-65197213
Email :
zhangshaogang@mofcom.gov.cn

Mr. Liu Dong
Department of International Trade
and Economic Affairs
Ministry of Commerce
No. 2, Dong Chang An Street
Beijing 100731
People's Republic of China
Tel : +8610-65197203
Fax : +8610-65197213
Email : liudong@mofcom.gov.cn

Câu hỏi 25: Khi cần thông tin về ACFTA thì liên hệ với ai để hỏi?

Trả lời: Doanh nghiệp có thể liên hệ với:

- Về thủ tục hải quan xuất nhập khẩu: Vụ Giám sát quản lý của Tổng cục Hải quan (địa chỉ: 162 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội)
- Về xuất xứ hàng hoá: Vụ Xuất nhập khẩu của Bộ Thương mại (địa chỉ: 21 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội)
- Về thuế suất ACFTA: Vụ Hợp tác Quốc tế của Bộ Tài chính (địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo – Hà Nội. Fax. 220.8109).

Phần II: Những vấn đề liên quan đến hàng nhập khẩu

Câu hỏi 26: Danh mục cắt giảm thuế theo Chương trình Thu hoạch Sớm của Việt Nam bao gồm những mặt hàng nào?

Trả lời: Việt Nam đã ban hành Nghị định số 99/2004/NĐ-CP ngày 16/2/2004 quy định lộ trình xoá bỏ thuế cho **484** mặt hàng rau quả và nông sản thuộc Chương 1-8 của Biểu thuế nhập khẩu trong giai đoạn 2004-2008 (Danh mục các mặt hàng cụ thể và mức thuế suất EHP kèm theo xin xem trong Biểu ban hành kèm Nghị định 99)

Câu hỏi 27: Điều kiện để được hưởng ưu đãi EHP khi nhập khẩu vào Việt Nam và khi xuất khẩu đi các nước ASEAN và Trung Quốc?

Trả lời:

*** Đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước ASEAN và Trung Quốc:** Bộ Tài chính đã có hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 16/2004/TT-BTC ngày 10/3/2004 của Bộ Tài chính. Trong đó, để được hưởng thuế suất ưu đãi EHP, hàng hoá nhập khẩu phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Nằm trong Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam tham gia EHP, ban hành kèm theo Nghị định 99/2004/NĐ-CP ngày 25/2/2004.
- Được vận chuyển trực tiếp đến Việt Nam từ các nước ASEAN và Trung Quốc.
- Thoả mãn yêu cầu xuất xứ hàng hoá ASEAN-Trung Quốc, được cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá ASEAN-Trung Quốc, Mẫu E theo quy định tại Quyết định số 1727/2003/QĐ-BTM ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

*** Đối với hàng hoá xuất khẩu đi các nước ASEAN và Trung Quốc:** Ngoài việc đáp ứng đủ các điều kiện giống như đã nêu ở trên, phải thoả mãn thêm điều kiện là hàng hoá đó cũng thuộc Danh mục thực hiện EHP của nước nhập khẩu.

Câu hỏi 28: Danh mục ACFTA của Việt Nam là gì?

Trả lời: Đó là Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hoá ASEAN-Trung Quốc ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Năm 2006 là Quyết định số 35/2006/QĐ-BTC ngày 12/6/2006)

Câu hỏi 29: Muốn biết mức thuế suất ACFTA của Việt Nam của các năm từ 2007 trở đi thì tra cứu ở đâu?

Trả lời: Mức thuế suất ACFTA trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 35/2006/QĐ-BTC ngày 12/6/2006 của Bộ Tài chính là chỉ áp dụng cho năm 2006. Lộ trình giảm thuế từ năm 2007 trở đi sẽ được kết hợp điều chỉnh thuế suất một số dòng thuế để thực hiện đúng cam kết của Việt Nam đã được quy định tại Hiệp Thương TIG và các nghị định thư sửa đổi. Có thể liên hệ với Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Tài chính để được cung cấp thông tin định hướng.

Câu hỏi 30: Danh mục nhạy cảm của Việt Nam gồm những nhóm mặt hàng nào?

Trả lời: Danh mục ST của Việt Nam gồm 1.035 mặt hàng ở cấp độ HS 8 số. Chủ yếu là các sản phẩm như: trứng gia cầm, đường, thuốc lá, động cơ, phương tiện vận tải (ô tô, xe máy), xăng dầu, sắt thép, vật liệu xây dựng, sản phẩm điện tử điện lạnh, giấy, dệt may....

Câu hỏi 31: Danh mục ACFTA 2006 của Việt Nam bao gồm những mặt hàng nào?

Trả lời: Danh mục ACFTA của Việt Nam bao gồm toàn bộ các mặt hàng còn lại sau khi trừ đi các mặt hàng thuộc Danh mục Thu hoạch sớm và Danh mục ST. Bộ Tài chính có Quyết định số 35/2006/QĐ-BTC ngày 12/6/2006 về việc ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam cho năm 2006 để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hoá ASEAN-Trung Quốc (sau đây gọi tắt là Danh mục ACFTA 2006 của Việt Nam và thuế suất ACFTA). Danh mục ACFTA 2006 của Việt Nam bao gồm 9.133 mặt hàng(dòng thuế) với mức thuế suất ACFTA theo đúng lộ trình giảm thuế của năm 2006 đã được quy định tại Hiệp định TIG.

Câu hỏi 32: Các điều kiện để được hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt

ACFTA của Việt Nam?

Trả lời: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 52/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006 thì Hàng hóa nhập khẩu để được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN-Trung Quốc (sau đây viết tắt là mức thuế suất ACFTA của Việt Nam) do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Thuộc Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN-Trung Quốc do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (sau đây viết tắt là Danh mục ACFTA của Việt Nam)

b) Được nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước thành viên của Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Trung Quốc

c) Được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu là thành viên của Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN-Trung Quốc đến Việt Nam, quy định tại Quyết định số 1727/2003/QĐ-BTM ngày 12/12/2003 và Quyết định số 09/2006/QĐ-BTM ngày 24/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

d) Thỏa mãn yêu cầu xuất xứ hàng hóa ASEAN - Trung Quốc, được xác nhận bằng Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá ASEAN- Trung Quốc (sau đây viết tắt là C/O - Mẫu E), quy định tại Mục III của Thông tư này, trừ hàng hoá nhập khẩu có tổng giá trị lô hàng (FOB) không vượt quá 200 USD thì không phải có C/O - Mẫu E.

e) Thuộc danh mục cắt giảm thuế thông thường (danh mục NT) hoặc danh mục cắt giảm thuế theo chương trình thu hoạch sớm (danh mục EHP) của nước xuất khẩu để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN-Trung Quốc được xác định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp nếu thuộc Danh mục nhạy cảm của nước xuất khẩu thì phải có văn bản thông báo của nước xuất khẩu là mặt hàng đó có mức thuế suất MFN/ACFTA tại nước xuất khẩu nhỏ hơn hoặc bằng 10%.

Câu hỏi 33: Mặt hàng công ty chúng tôi nhập khẩu không có trong danh mục ACFTA của Việt Nam thì áp dụng theo mức thuế suất nào?

Trả lời: Theo mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành.

Câu hỏi 34: Bộ Tài chính quy định khi mặt hàng thuộc danh mục nhạy cảm của nước xuất khẩu có mức thuế suất ACFTA của nước xuất khẩu nhỏ hơn hoặc bằng 10% thì sẽ có thông báo. Vậy tìm thông báo đó ở đâu?

Trả lời: Các nước ASEAN-Trung Quốc sẽ phải thông báo cho nhau khi mức thuế suất ACFTA của một/nhiều mặt hàng trong Danh mục nhạy cảm của mình đã được giảm xuống mức nhỏ hơn hoặc bằng 10%. Cho đến thời điểm 31/08/2006, trong ASEAN-Trung Quốc chưa có thông báo nào như vậy, nên Bộ Tài chính cũng chưa ban hành văn bản thông báo này.

Câu hỏi 35: Khi làm thủ tục nhập khẩu theo mức thuế suất ACFTA, mức thuế suất MFN được giảm xuống thấp hơn mức ACFTA thì nhà nhập khẩu vẫn phải nộp thuế theo mức ACFTA hay không?

Trả lời: Không, mức thuế suất nào thấp hơn thì được áp dụng.

Câu hỏi 36: Hàng hoá nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp sản phẩm cơ khí, điện, điện tử thì có thể vừa áp dụng thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hoá, lại vừa áp dụng thuế ACFTA được không?

Trả lời: Không. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 52/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006 thì hàng hoá do doanh nghiệp nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp sản phẩm cơ khí, điện, điện tử vừa đủ điều kiện để áp dụng mức thuế suất ACFTA, vừa đủ điều kiện áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hoá theo các quy định hiện hành thì doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong hai cách là thực hiện chính sách thuế theo tỷ lệ nội địa hoá hoặc theo thuế suất ACFTA, cụ thể như sau:

Nếu doanh nghiệp chọn áp dụng mức thuế suất theo tỷ lệ nội địa hoá thì khi nhập khẩu chi tiết hoặc cụm chi tiết không đồng bộ, doanh nghiệp phải áp dụng chung một mức thuế suất theo tỷ lệ nội địa hoá cho toàn bộ danh mục các chi tiết hoặc cụm chi tiết nhập khẩu mặc dù trong danh mục có những chi tiết đủ điều kiện áp dụng theo mức thuế suất ACFTA.

Trường hợp doanh nghiệp chọn áp dụng mức thuế suất ACFTA thì những chi tiết hoặc cụm chi tiết không đồng bộ có đủ điều kiện áp dụng theo mức thuế suất ACFTA thì được áp dụng theo mức thuế suất ACFTA; những chi tiết và cụm chi tiết còn lại áp dụng theo mức thuế suất MFN hoặc thuế suất thông thường.

Tuy nhiên, theo quyết định số 43/2006/QĐ-BTC ngày 29/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì chính sách thuế theo tỷ lệ nội địa hoá sẽ được bãi bỏ kể từ ngày 01/10/2006.

Câu hỏi 37: Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu bộ linh kiện rời đồng bộ thì áp dụng mức thuế suất ACFTA như thế nào?

Trả lời: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 52/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006 thì thuế suất ACFTA áp dụng đối với các chi tiết, linh kiện rời đồng bộ nhập khẩu để lắp ráp sản phẩm cơ khí, điện, điện tử được thực hiện như sau:

Các chi tiết (cụm chi tiết), linh kiện (cụm linh kiện) rời đồng bộ có C/O-Mẫu E được áp dụng mức thuế suất ACFTA của mặt hàng nguyên chiếc nếu thoả mãn các điều kiện về áp dụng mức thuế suất ACFTA quy định tại Mục I của Thông tư này. Các chi tiết, linh kiện rời còn lại không có C/O- Mẫu E áp dụng mức thuế suất MFN hoặc thuế suất thông thường quy định cho mặt hàng nguyên chiếc.

Doanh nghiệp phải xuất trình một hoặc nhiều hoá đơn thương mại riêng biệt cho các chi tiết (cụm chi tiết), linh kiện (cụm linh kiện) có C/O -Mẫu E để đề nghị áp dụng mức thuế suất ACFTA.

Việc áp dụng mức thuế suất ACFTA được thực hiện tại thời điểm tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Thủ tục quyết toán thuế nhập khẩu với cơ quan Hải quan được thực hiện theo quy định hiện hành.

Câu hỏi 38: Các văn bản về thực hiện thuế suất ACFTA của Việt Nam có thể tìm được ở đâu?

Trả lời: Có thể tìm thấy trên Công báo của Văn phòng Chính phủ hoặc trên trang Web của Bộ Tài chính: www.mof.gov.vn

Câu hỏi 39: Mặt hàng công ty chúng tôi nhập khẩu có trong danh mục cắt giảm thuế thông thường của nước xuất khẩu, tại sao lại không có trong danh mục ACFTA của Việt Nam?

Trả lời: Trong ACFTA, các nước có quyền tự lựa chọn đưa các mặt hàng vào các danh mục nhạy cảm hay danh mục cắt giảm thuế thông thường với

điều kiện đáp ứng được các tiêu chí hạn chế về mặt số lượng dòng thuế và giá trị nhập khẩu. Một số mặt hàng này là thế mạnh của nước A nhưng lại rất nhạy cảm đối với nước B, và ngược lại. Do vậy, xảy ra nhiều trường hợp cùng một mặt hàng nhưng lại được các nước đưa vào những danh mục khác nhau.

Câu hỏi 40: Cách thức xác định mức thuế suất nhập khẩu ACFTA cho một sản phẩm nhập khẩu từ ASEAN-Trung Quốc, có C/O mẫu E và được vận chuyển thẳng như thế nào?

Trả lời: Nhà nhập khẩu thực hiện các bước sau để xác định thuế suất ACFTA cho mặt hàng nhập khẩu của mình:

Bước 1: tra cứu Danh mục ACFTA của Việt Nam để xác định xem mặt hàng nhập khẩu có thuộc Danh mục ACFTA của Việt Nam hay không. Nếu không thuộc thì áp dụng thuế MFN hiện hành. Nếu thuộc thì xác định mức thuế suất ACFTA tương ứng và chuyển sang *Bước 2*.

Bước 2: tra cứu Bảng so sánh quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 52/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006 của Bộ Tài chính để xác định xem hàng hoá nhập khẩu thuộc danh mục nào của nước xuất khẩu: danh mục NT, danh mục EHP, hoặc danh mục ST. Nếu thuộc danh mục NT hoặc danh mục EHP của nước xuất khẩu thì áp dụng mức thuế suất ACFTA đã tra cứu ở *Bước 1*. Nếu thuộc danh mục ST của nước xuất khẩu thì chuyển sang *Bước 3*.

Bước 3: Đối chiếu xem mặt hàng nhập khẩu có trong các văn bản thông báo của Bộ Tài chính về mức thuế suất ACFTA của nước xuất khẩu nhỏ hơn hoặc bằng 10% hay không. Nếu không có trong văn bản thông báo thì áp dụng thuế MFN. Nếu có trong văn bản thông báo thì chuyển sang *Bước 4*.

Bước 4: So sánh mức thuế suất ACFTA của Việt Nam đã tra cứu ở *Bước 1* và mức thuế suất ACFTA của nước xuất khẩu ghi trong văn bản thông báo của Bộ Tài chính, nếu mức thuế suất nào cao hơn thì áp dụng.

Lưu ý: trong mọi trường hợp, nếu thuế suất MFN hiện hành thấp hơn mức thuế suất ACFTA áp dụng ở các *Bước* nêu trên thì nhà nhập khẩu được quyền áp dụng thuế suất MFN thấp hơn đó.

Câu hỏi 41: Hàng hoá không được vận chuyển thẳng đến Việt Nam thì có được áp dụng mức thuế suất ACFTA không?

Trả lời: Không. Hàng hoá phải được vận chuyển thẳng (hay còn gọi là vận chuyển trực tiếp) từ nước xuất khẩu đến Việt Nam thì mới được áp dụng thuế suất ACFTA của Việt Nam. Hàng được vận chuyển thẳng nếu được vận tải không qua lãnh thổ của nước nào khác, hoặc chỉ qua lãnh thổ của các nước thuộc thành viên ASEAN-Trung Quốc. Trường hợp hàng được vận chuyển qua lãnh thổ của một hoặc nhiều nước không phải là thành viên của ASEAN-Trung Quốc thì vẫn được coi là vận chuyển thẳng nếu vì lý do địa lý hoặc phụ thuộc vào hãng vận tải, không được buôn bán hoặc sử dụng ở nước đó và không qua bất kỳ một khâu xử lý nào trừ việc bốc dỡ, xếp lại hoặc việc xử lý chỉ mục tiêu bảo quản hàng hoá.

Câu hỏi 42: Doanh nghiệp tôi nhập khẩu hàng từ Trung Quốc. 100% nguyên vật liệu dùng để sản xuất mặt hàng đó là từ Trung Quốc. Vậy chúng tôi có phải xuất trình C/O mẫu E không?

Trả lời: Có, trừ trị giá lô hàng nhập khẩu (theo giá FOB) không vượt quá 200 Đôla Mỹ. C/O mẫu E là giấy chứng nhận mặt hàng đó đáp ứng các tiêu chí về xuất xứ ASEAN-Trung Quốc.

Câu hỏi 43: Hàng hoá nhập khẩu từ khu phi thuế quan nằm trên lãnh thổ Việt Nam chỉ có C/O mẫu E của một trong những nước ASEAN-Trung Quốc (trừ Việt Nam) cấp thì có được áp dụng thuế ACFTA không?

Trả lời: Không. Hàng nhập khẩu từ khu phi thuế quan nằm trên lãnh thổ Việt Nam vào thị trường nội địa phải có C/O mẫu E do cơ quan có thẩm quyền được Bộ Thương mại Việt Nam uỷ quyền cấp thì mới được xem xét áp dụng thuế suất ACFTA của Việt Nam.

Câu hỏi 44: Trong hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 52/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006, cơ quan có thẩm quyền cấp C/O mẫu E của Trung Quốc là Tổng cục Giám sát chất lượng, Kiểm tra và Kiểm dịch. Tuy nhiên, trên thực tế C/O mẫu E của Trung Quốc là do 35 Cục Giám sát Kiểm dịch Cửa khẩu cấp, như vậy các C/O này có được coi là hợp lệ hay không?

Trả lời: Có, bởi vì 35 Cục Giám sát Kiểm dịch Cửa khẩu này là các cơ quan

được Tổng cục Giám sát chất lượng, Kiểm tra và Kiểm dịch của Trung Quốc ủy quyền cấp C/O mẫu E và Trung Quốc đã có văn bản thông báo chính thức cho các nước ASEAN về Mẫu dấu và mẫu chữ ký.

Câu hỏi 45: Thời hạn xuất trình C/O mẫu E là trong bao lâu? Tôi thấy quy định lúc thì 4 tháng, lúc thì 6 tháng, lúc là 1 năm, lúc là 30 ngày. Vậy phải thực hiện thế nào cho đúng?

Trả lời: C/O mẫu E phải được xuất trình cho cơ quan hải quan vào thời điểm đăng ký tờ khai hải quan hàng nhập khẩu. Trường hợp chưa xuất trình được C/O mẫu E tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, nếu có lý do chính đáng thì Chi cục trưởng Hải quan quyết định gia hạn nộp C/O mẫu E, tổng thời gian được gia hạn cũng không được kéo dài quá 30 ngày.

Bốn tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cấp C/O mẫu E của nước xuất khẩu cấp là thời hạn hiệu lực của C/O mẫu E đó. Trường hợp hàng nhập khẩu vì lý do nào đó phải đi qua lãnh thổ của một hay nhiều nước không phải là thành viên ASEAN-Trung Quốc thì thời hạn hiệu lực của C/O mẫu E được kéo dài thành 6 tháng.

Như vậy, người khai hải quan phải đảm bảo xuất trình C/O mẫu E còn giá trị hiệu lực trong thời hạn nêu trên. Trường hợp C/O mẫu E hết giá trị hiệu lực nhưng được xuất trình trong thời hạn nêu trên thì Chi cục trưởng Hải quan có thể xem xét quyết định chấp nhận C/O đó (bằng văn bản) nếu người khai hải quan có lý do chính đáng như bất khả kháng hoặc có những lý do xác đáng khác ngoài phạm vi kiểm soát của nhà xuất khẩu.

Một năm kể từ ngày giao hàng là thời hạn cấp C/O mẫu E cấp sau. Điều đó có nghĩa là khi hàng đã được xuất khẩu trong vòng một năm thì vẫn có thể xem xét cấp C/O mẫu E (ghi rõ là C/O mẫu E cấp sau), ngược lại khi hàng đã được xuất khẩu trên một năm thì không được cấp C/O mẫu E nữa. Trường hợp hàng đã xuất khẩu được cấp C/O mẫu E cấp sau thì vẫn phải đảm bảo C/O mẫu E còn giá trị hiệu lực và được xuất trình cho cơ quan hải quan trong thời hạn nêu trên.

Câu hỏi 46: Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu thường xuyên cùng một loại hàng hoá, vậy chúng tôi chỉ cần C/O mẫu E cho lần đầu tiên có được không?

Trả lời: Không. Mỗi lần làm thủ tục hải quan hàng nhập khẩu để áp dụng

thuế suất ACFTA của Việt Nam, doanh nghiệp phải xuất trình C/O mẫu E cho lô hàng nhập đó.

Câu hỏi 47: Công ty tôi nhập khẩu hàng hoá từ Thái Lan từ 6 tháng nay nhưng không biết có thuế suất ACFTA. Bây giờ chúng tôi xin lại C/O mẫu E của Thái Lan thì có được hoàn thuế không?

Trả lời: Không. Hàng hoá đã hoàn thành thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu phải nộp thuế nhập khẩu theo kê khai của người khai hải quan, trừ các trường hợp được phép hồi tố theo thì có thể bổ sung C/O mẫu E và các giấy tờ, tài liệu khác để xét hoàn thuế quy định của Bộ Tài chính.

Câu hỏi 48: Tôi là một doanh nghiệp nhập khẩu, khi phát hiện C/O mẫu E có sai sót thì phải làm thế nào?

Trả lời: Người khai hải quan hoặc nhà nhập khẩu không được phép tự ý gạch xoá hoặc viết thêm vào C/O mẫu E. Những sai sót nhỏ trong C/O mẫu E có thể được cơ quan hải quan xem xét chấp nhận nếu trên thực tế C/O mẫu E này phù hợp hàng hoá thực tế đã kê khai.

Trường hợp phải sửa đổi lại C/O mẫu E, người khai hải quan hoặc nhà nhập khẩu phải gửi C/O mẫu E bị sai sót lại cho người khai C/O mẫu E để người khai C/O mẫu E tiến hành sửa đổi bằng cách gạch đi những chỗ sai và thêm vào những chỗ cần thiết. Việc sửa đổi này phải do chính người khai C/O mẫu E thực hiện. Những khoảng trống không dùng đến phải được gạch chéo để ngăn chặn việc có thêm những sửa đổi sau đó. Toàn bộ công việc này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp C/O mẫu E của nước xuất khẩu chứng nhận.

Câu hỏi 49: Khi có vướng mắc với cơ quan hải quan và chờ kết quả kiểm tra, hàng nhập khẩu có thể vẫn được thông quan không?

Trả lời: Khi có vướng mắc, cơ quan Hải quan có thể giải phóng hàng hóa cho những nhà nhập khẩu đang phải chịu những biện pháp hành chính cần thiết và cam kết thực hiện theo quyết định của cơ quan hải quan sau khi có kết quả kiểm tra, miễn là những hàng hoá này không bị giữ lại vì lệnh cấm hoặc hạn chế nhập khẩu và không có sự nghi ngờ hàng hóa gian lận.

Câu hỏi 50: Doanh nghiệp chúng tôi đã xuất trình C/O mẫu E nhưng cơ quan hải quan từ chối cho áp dụng thuế ACFTA. Vậy chúng tôi phải làm gì?

Trả lời: Trường hợp C/O mẫu E khi xuất trình bị cơ quan hải quan từ chối thì cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ lý do cho người khai hải quan. Người khai hải quan có thể cung cấp thêm các tài liệu, chứng từ để cơ quan hải quan xem xét việc chấp nhận C/O đó hay không. Người khai hải quan không thoả mãn với quyết định của cơ quan hải quan có thể kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền (cơ quan hải quan cấp trên, Tổng cục Hải quan hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính) theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

Câu hỏi 51: Doanh nghiệp chúng tôi nhập khẩu lô hàng tấm trải sàn có mã hàng hoá là 4016.99.94 nhưng cơ quan hải quan áp mã là 4016.91.10, khi đó doanh nghiệp chúng tôi không được hưởng mức thuế suất ACFTA 20% mà phải nộp mức thuế suất ACFTA 30% Vậy là đúng hay sai?

Trả lời: Phân loại hàng hoá được căn cứ vào hàng hoá thực tế nhập khẩu. Do vậy, trường hợp cơ quan hải quan sau khi kiểm tra thực tế hàng nhập khẩu sẽ tiến hành phân loại và áp mã hàng hoá. Mã hàng do cơ quan hải quan phân loại có thể trùng, có thể không trùng với mã hàng do người khai hải quan khai báo, và doanh nghiệp nhập khẩu phải nộp thuế nhập khẩu theo phân loại và áp mã của cơ quan hải quan. Nếu không đồng ý với quyết định của cơ quan hải quan, doanh nghiệp có thể tiến hành khiếu nại lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Luật khiếu nại, tố cáo.

Câu hỏi 52: Hàng nhập khẩu của tôi từ Lào về chỉ có C/O Mẫu S, vậy được hưởng ưu đãi ACFTA hay không?

Trả lời: Không, chỉ được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu quy định tại Quyết định số 60/2005/QĐ-BTC ngày 31/08/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ Lào.

Câu hỏi 53: Hàng nhập khẩu của tôi có xuất xứ hàng hoá từ Hồng Kông, vậy có được hưởng ưu đãi ACFTA hay không?

Trả lời: Không. Hàng hoá có xuất xứ từ Hồng Kông, Đài Bắc Trung Quốc

(Đài Loan) và Macao không được áp dụng thuế suất ACFTA vì đây là những đặc khu hành chính (Hong Kông, Macao) hoặc nền kinh tế (Đài Loan) độc lập, có lãnh thổ thuế quan riêng và không tham gia đàm phán Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc.

Phần III: Những vấn đề liên quan đến hàng xuất khẩu

Câu hỏi 54: Cơ quan nào cấp C/O mẫu E của Việt Nam?

Trả lời: Các Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực. Doanh nghiệp có trụ sở kinh doanh tại khu vực nào thì xin cấp C/O mẫu E tại Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực đó.

Câu hỏi 55: Muốn xin C/O mẫu E thì cần chuẩn bị những tài liệu gì?

Trả lời: Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận Mẫu E bao gồm:

1. Giấy chứng nhận Mẫu E (theo mẫu chung do Bộ Thương mại ban hành) đã được khai hoàn chỉnh;
2. Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra) do tổ chức giám định hàng hoá cấp;
3. Tờ khai Hải quan đã hoàn thành thủ tục Hải quan;
4. Hoá đơn thương mại;
5. Vận đơn.

Trong trường hợp chưa có Tờ khai Hải quan đã hoàn thành thủ tục Hải quan (nhưng phải có Tờ khai Hải quan đã có chữ ký của cán bộ Hải quan tiếp nhận hồ sơ) và Vận đơn, doanh nghiệp xin cấp Giấy chứng nhận mẫu E có thể được nợ các chứng từ này nhưng phải có văn bản gửi cơ quan cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cam kết sẽ nộp các chứng từ này sau. Thời gian được nợ các chứng từ này tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Mẫu E.

Tờ khai hải quan, Hoá đơn thương mại và Vận đơn là bản sao có chữ ký và đóng dấu xác nhận sao y bản chính của thủ trưởng đơn vị (nếu là tổ chức) hoặc có chữ ký và đóng dấu của cơ quan công chứng (nếu là cá nhân) đồng thời mang theo bản chính để đối chiếu.

Câu hỏi 56: Chúng tôi xuất khẩu hàng hoá sang Trung Quốc vừa có thể đáp ứng tiêu chí về hàm lượng, vừa có thể đáp ứng tiêu chí cụ thể về mặt hàng thì áp dụng tiêu chí nào?

Trả lời: Doanh nghiệp có thể lựa chọn tiêu chí nào thuận tiện nhất để đề

ngihtổ chức giám định hàng hoá kiểm tra và cấp giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá mẫu E.

Câu hỏi 57: Chúng tôi xuất khẩu hàng hoá đi Trung Quốc đã 3 tháng nay, bây giờ mới biết có thuế ACFTA. Vậy chúng tôi có thể xin lại C/O mẫu E để áp dụng thuế ACFTA ở nước nhập khẩu được không?

Trả lời: Về phía Việt Nam, doanh nghiệp có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền được Bộ Thương mại uỷ quyền cấp C/O mẫu E để xin C/O mẫu E trong vòng một năm kể từ ngày giao hàng (C/O mẫu E cấp sau).

Tuy nhiên, việc chấp nhận C/O mẫu E phụ thuộc vào quy định và luật pháp của nước nhập khẩu. Trường hợp nước nhập khẩu chấp nhận cho bổ sung C/O mẫu E cấp sau thì sẽ được xem xét cho hưởng thuế suất ACFTA.

Câu hỏi 58: Công ty chúng tôi xuất khẩu hàng hoá sang một trong các nước thuộc ASEAN-Trung Quốc, muốn biết có được áp dụng thuế ACFTA không thì làm thế nào?

Trả lời: Công ty phải xem liệu mặt hàng xuất khẩu của mình có đáp ứng các điều kiện được hưởng thuế suất ACFTA của nước nhập khẩu không. Cụ thể gồm:

- (a) Mặt hàng có đáp ứng tiêu chí xuất xứ ASEAN-Trung Quốc, thể hiện bằng C/O mẫu E, hay không?
- (b) Mặt hàng có trong Danh mục hàng hoá thực hiện ACFTA của nước nhập khẩu hay không?
- (c) Mặt hàng có được vận chuyển thẳng sang nước nhập khẩu hay không?
- (d.1) Mặt hàng có thuộc Danh mục hàng hoá thực hiện ACFTA của Việt Nam hay không?
- (d.2) Nếu mặt hàng thuộc Danh mục nhạy cảm của Việt Nam thì thuế suất MFN (hoặc mức thuế suất ACFTA trong trường hợp danh mục nhạy cảm đã có lộ trình giảm thuế theo ACFTA) bằng hoặc thấp hơn 10% hay không?

Đáp ứng tất cả các điều kiện trên, hàng của Công ty sẽ được áp dụng thuế suất ACFTA của nước xuất khẩu. Công ty có thể tiến hành kiểm tra theo các bước sau đây:

- Bước 1: tra cứu xem mặt hàng xuất khẩu có nằm trong Danh mục thực hiện ACFTA của nước nhập khẩu hay không.

- Bước 2: tra cứu xem mặt hàng xuất khẩu nằm trong danh mục nào của Việt Nam, nếu nằm trong Danh mục nhạy cảm thì thuế suất MFN/ACFTA có bằng hoặc thấp hơn 10% hay không.

- Bước 3: liên hệ với cơ quan được ủy quyền cấp C/O mẫu E của Việt Nam để xem hàng xuất khẩu có phải xin Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá mẫu E không. Trường hợp phải kiểm tra, Công ty nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá cho cơ quan giám định hàng hoá được phép cấp.

Đề kiểm tra điều kiện (a): cơ quan liên hệ là cơ quan có thẩm quyền được Bộ Thương mại uỷ quyền cấp C/O mẫu E.

Đề kiểm tra điều kiện (b): có thể liên hệ nhà nhập khẩu, Bộ Thương mại hoặc Bộ Tài chính (Vụ Hợp tác Quốc tế) để có thông tin.

Đề kiểm tra điều kiện (d): có thể liên hệ Bộ Tài chính (Vụ Hợp tác Quốc tế) để có thông tin.

Câu hỏi 59: Công ty tôi thường xuyên xuất khẩu cùng một loại hàng hoá, các lô hàng xuất khẩu trước chúng tôi đã xin Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá do cơ quan giám định hàng hoá cấp và có C/O mẫu E, vậy các lô hàng xuất khẩu tiếp theo chúng tôi có phải xin Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá không?

Trả lời: Về mặt nguyên tắc, khi công ty xuất khẩu cùng một loại hàng hoá mà về mặt bản chất xuất xứ hàng hoá không thay đổi thì kết quả của những đợt kiểm tra trước có thể được sử dụng làm bằng chứng hỗ trợ để xác định xuất xứ của hàng hoá được xuất khẩu sau đó. Trước khi xuất khẩu hàng hoá, công ty có thể liên hệ với cơ quan được Bộ Thương mại uỷ quyền cấp C/O mẫu E để cung cấp các tài liệu, bằng chứng cần thiết để xem xét có cần thiết phải yêu cầu có Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá do cơ quan giám định hàng hoá cấp hay không.

Câu hỏi 60: Tôi là một doanh nghiệp xuất khẩu, sau khi được cấp C/O mẫu E phát hiện có sai sót thì làm thế nào?

Trả lời: Người khai C/O mẫu E phải thông báo cho cơ quan cấp C/O đó để xin sửa đổi lại C/O mẫu E. Sau khi được chấp nhận, người khai C/O mẫu E

phải tự sửa đổi bằng cách gạch đi những chỗ sai và thêm vào những chỗ cần thiết, những khoảng trống không dùng đến phải được gạch chéo để ngăn chặn việc có thêm những sửa đổi sau đó và phải được cơ quan cấp C/O đó chứng nhận. Việc sửa đổi này phải được thực hiện trên cả 4 bản (bản gốc và 3 bản sao giấy than).

Câu hỏi 61: Công ty tôi đã có Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá thì có phải xin Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu E nữa không?

Trả lời: Có. Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá chỉ là một trong những giấy tờ cần thiết để cơ quan được uỷ quyền xem xét cấp C/O mẫu E. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá mẫu E (C/O mẫu E) mới là bằng chứng cho việc hàng hoá có xuất xứ ASEAN-Trung Quốc theo các quy tắc xuất xứ đã được thống nhất và là một trong những điều kiện quyết định để nước nhập khẩu xem xét có cho áp dụng thuế suất ACFTA hay không.

Câu hỏi 62: Khi xuất khẩu hàng hoá theo diện áp dụng thuế ACFTA của nước nhập khẩu thì có bắt buộc phải có Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá hay không?

Trả lời: Các hàng hoá căn cứ vào bản chất của hàng hoá đó có thể dễ dàng xác định được xuất xứ của nó hoặc những sản phẩm có xuất xứ thuần túy theo quy định của Bộ Thương mại có thể không cần phải xin kiểm tra xuất xứ. Người khai C/O mẫu E có thể liên hệ với cơ quan cấp C/O mẫu E để xác định mặt hàng xuất khẩu có cần phải xin Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá mẫu E do các cơ quan giám định hàng hoá cấp hay không.

Câu hỏi 63: Doanh nghiệp chúng tôi xuất khẩu thường xuyên cùng một loại hàng hoá, vậy chúng tôi chỉ cần xin C/O mẫu E cho lần đầu tiên có được không?

Trả lời: Không. Để được áp dụng thuế suất ACFTA của nước xuất khẩu, doanh nghiệp phải xin C/O mẫu E cho từng lô hàng xuất khẩu.

---- ☞ ----